**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN TÂN PHƯỚC**
**TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**
**----------**

Bản án số: 38/2019/HN-ST
Ngày 29/7/2019
*Về việc: "Xin ly hôn".*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hữu Tính.
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1 Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh.
2.Ông Nguyễn Thanh Dũ.
***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Lê Minh Thành – Thư ký tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 52/2019/TLST – HN ngày 01 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp "xin ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐST – HN ngày 24/6/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐST-HN ngày 12/7/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trương Thị Diễm M**, sinh năm 1996, địa chỉ: ấp 2, xã TL, huyện CL, tỉnh TG.

*2. Bị đơn:* Anh **Nguyễn Phương D**, sinh năm 1995, đại chỉ: ấp 4, xã TL 1, huyện TP, tỉnh TG.

(Tại phiên tòa có mặt chị M, vắng mặt anh D).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn chị Trương Thị Diễm M trình bày*:

Về hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Minh D chung sống với nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã TL 1, huyện TP, tỉnh TG cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43. Sau hơn một năm chung sống, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do tính tình hai bên không hợp nhau thường xuyên cải nhau, nhiều lần hai bên đã ngồi lại tìm cách hàn gắn nhưng không thành. Tháng 01/2019, tôi nhà về nhà cha mẹ ruột sống chờ sinh con anh D không qua lại nên vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay.

Về con chung: Tôi và anh D có một con chung tên Nguyễn Hoàng Yến V, sinh ngày 14/02/2019, hiện cháu đang sống chung với tôi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Tôi cam kết không có nợ ai.

*Yêu cầu Tòa án giải quyết:*

Về hôn nhân: Tôi yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Phương D.

Về con chung: Tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tôi cam kết không có nợ ai.

Bị đơn anh Nguyễn Phương D đã được Tòa án nhân dân huyện Tân Phước tống đạt hợp lệ, đầy đủ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh D không có mặt cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho tòa án.

*Tại phiên tòa:* Nguyên đơn chị M xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể chị M không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

*Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến*:

*Về tố tụng:* Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

*Về nội dung:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ Thùy là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Trương Thị Diễm M yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Phương D căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp "xin ly hôn".

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Xét bị đơn anh Nguyễn Phương D có đăng ký hộ khẩu tại xã TL 1, huyện TP, tỉnh TG. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh TG.

[3] Về tố tụng:

[3.1] Anh Nguyễn Phương D là bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh D.

[3.2] Xét việc chị M rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể chị M không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự thấy phù hợp nên chấp nhận và đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng.

[4] Xét nội dung yêu cầu của nguyên đơn chị Trương Thị Diễm M:

[4.1] Về hôn nhân: Chị Trương Thị Diễm M xin ly hôn với anh Nguyễn Phương D vì trong quá trình chung sống anh chị không hợp tính tình nên thường xuyên cải nhau, hai bên đã nhiều lần tìm cách khắc phục nhưng không thành, tháng 01/2019 chị M về nhà cha mẹ ruột sống chờ sinh con, anh D không đến động viên, chăm sóc nên anh chị đã ly thân từ đó đến nay. Xét mâu thuẫn giữa chị M và anh D lúc mới phát sinh là không lớn nhưng anh chị không tìm cách khắc phục để kéo dài ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và khi chị M về nhà cha mẹ ruột sống chờ sinh con nhưng anh D không đến động viên, chăm sóc chị M lúc sinh con dẫn đến vợ chồng ly thân không có điều kiện hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân hiện tại không đạt được. Mặc khác, chị M xin ly hôn, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh D nhưng anh không đến tham dự phiên tòa cũng không có gửi văn bản trình bày ý kiến. Như vậy, cho thấy anh D không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị M nên cần xem xét cho chị M ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4.2] Về con chung: Chị M xin được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Hoàng Yến V, sinh ngày 14/02/2019 vì cháu do chị trực tiếp nuôi dưỡng từ khi chị M và anh D ly thân đến nay. Xét chị M là người đang trực tiếp chăm sóc cháu V, cháu còn quá nhỏ chỉ mới bốn tháng tuổi rất cần sự chăm sóc của mẹ nên cần để chị M tiếp tục nuôi dưỡng cháu V. Chị M không yêu cầu anh D cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác. Khi cần thiết vì quyền lợi của cháu V chị M hoặc anh D có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

[4.3] Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

[4.4] Về nợ chung: Chị M khai không có, nếu sau này có phát sinh tranh chấp Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định. Anh D không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẻ trên:

## QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Diễm M đối với anh Nguyễn Phương D.

*1.1 Về hôn nhân*: Chị Trương Thị Diễm M được ly hôn với anh Nguyễn Phương D.

*1.2 Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Hoàng Yến V, sinh ngày 14/02/2019 cho chị M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc chị M không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Anh D được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Đình chỉ việc chị Trương Thị Diễm M yêu cầu anh Nguyễn Phương D cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Hoàng Yến V, sinh ngày 14/02/2019 mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

*3. Về án phí*:

3.1 Chị Trương Thị Diễm M phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 19722 ngày 28/3/2019 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước. Vậy chị M đã nộp xong án phí.

3.2 Anh Nguyễn Phương D không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*4. Về kháng cáo:*

4.1 Chị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

4.2 Anh D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên lúc 10 giờ 20 phút cùng ngày.

**Nơi nhận:**
- Tóa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Tân Phước;
- THADS huyện Tân Phước;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hữu Tính**